

Số: 21 /2020/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 07 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 439/TTr-STNMT ngày 16 tháng 9 năm 2020 và Văn bản số 269/BC-STNMT ngày 13 tháng 11 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Bình”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 16/12/2020 và thay thế Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND ngày 24/01/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo Thái Bình;
- Công báo Thái Bình;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, TH, NNTNMT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Khắc Thận

QUY CHẾ

**Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin dữ liệu
tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Bình**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /2020/QĐ-UBND ngày 07/12/2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám, tài nguyên môi trường biển (sau đây gọi chung là thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường); cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

2. Quy chế này không điều chỉnh với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc danh mục bí mật nhà nước.

3. Các nội dung không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 tháng 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 73/2017/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có hoạt động thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là quá trình xác định yêu cầu thông tin, tìm nguồn thông tin đáp ứng yêu cầu và thực hiện tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là nội dung mô tả các thuộc tính của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là phần rút gọn của thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố để phục vụ việc tra cứu, tìm kiếm, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

4. Đơn vị thực hiện nhiệm vụ về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện là đơn vị được cấp có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ hoặc được giao nhiệm vụ thu thập, quản lý, lưu trữ, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 4. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 5. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo Điều 5 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 6. Kinh phí thu thập, tổ chức quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của pháp luật. Hằng năm, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao đề nghị cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ này.

2. Phí khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.

Chương II

THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo Điều 9 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.


Điều 8. Thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân giao nộp cho đơn vị thực hiện nhiệm vụ về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đối với thông tin, dữ liệu được thu thập, tạo lập bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

b) Quy trình tiếp nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được giao nộp quy định tại Điều 9 Quy chế này.

c) Giấy xác nhận giao nộp sản phẩm thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là tài liệu bắt buộc trong hồ sơ phê duyệt quyết toán dự án theo quy định.

2. Thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường: 

a) Đơn vị thực hiện nhiệm vụ về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Biểu mẫu nội dung thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường quy định chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng (sau đây gọi tắt là Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT).

c) Quy trình thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường quy định tại Điều 10 Quy chế này.

3. Tiếp nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được các tổ chức, cá nhân cung cấp, hiến tặng:

a) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin mô tả và danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; cung cấp, chia sẻ sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho xã hội.

Tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin quy định tại điểm này được cơ quan tiếp nhận xác nhận việc giao nộp, hiến tặng thông tin, dữ liệu.

b) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tạo điều kiện thuận lợi để thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường của các tổ chức, cá nhân.

Điều 9. Quy trình tiếp nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được giao nộp

1. Chuẩn bị tiếp nhận thông tin, dữ liệu được giao nộp:

a) Xác định phương án, thời gian, địa điểm tiếp nhận.

b) Chuẩn bị kho, trang thiết bị bảo quản, lưu trữ.

c) Xác định kinh phí thực hiện theo quy định.

2. Tiếp nhận, kiểm tra thông tin, dữ liệu giao nộp:

a) Tiếp nhận thông tin, dữ liệu giao nộp.

b) Kiểm tra tính pháp lý, quy cách, khối lượng, chất lượng thông tin, dữ liệu.

3. Xác nhận thông tin, dữ liệu được giao nộp:

a) Cơ quan tiếp nhận lập giấy xác nhận giao nộp thông tin, dữ liệu trong trường hợp thông tin, dữ liệu đạt yêu cầu về khối lượng, chất lượng theo quy định.

b) Cơ quan tiếp nhận đề nghị bên giao nộp thông tin, dữ liệu có trách nhiệm hoàn chỉnh, bổ sung và giao nộp lại trong trường hợp nội dung thông tin, dữ liệu chưa bảo đảm khối lượng, chất lượng theo quy định.

4. Lập thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu:

a) Lập thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

b) Xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

5. Hoàn thiện tiếp nhận thông tin, dữ liệu và đưa vào khai thác, sử dụng:

a) Đưa thông tin, dữ liệu đã tiếp nhận vào lưu trữ, bảo quản và sử dụng.

b) Sử dụng thông tin mô tả và danh mục phục vụ nghiệp vụ quản lý, lưu trữ, công bố, tra cứu, cung cấp và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

c) Lập báo cáo, thống kê theo quy định.

Điều 10. Quy trình thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Chuẩn bị thu thập, cập nhật thông tin mô tả:

a) Khảo sát về hiện trạng thông tin, dữ liệu.

b) Xác định phương án, thời gian, địa điểm thực hiện.

c) Trang thiết bị, phương tiện thực hiện.

d) Xác định kinh phí thực hiện theo quy định.

đ) Thông báo cho đơn vị, cá nhân liên quan để thực hiện.

2. Thực hiện thu thập, cập nhật thông tin mô tả:

a) Xây dựng biểu mẫu nội dung thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

b) Tiến hành thu thập hoặc cập nhật theo biểu mẫu đã xây dựng; xử lý các vấn đề phát sinh, điều chỉnh bổ sung biểu mẫu (nếu cần).

c) Kiểm tra, xác nhận thông tin mô tả.

d) Nhập, đối soát thông tin mô tả thành dạng số.

đ) Xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

3. Giao nộp, sử dụng thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu:

a) Giao nộp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu (dạng số và trên giấy).


b) Lập báo cáo, thống kê theo quy định.

Điều 11. Quy trình xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Chuẩn bị xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu:

a) Chuẩn bị thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu.

b) Xác định phương án thực hiện.

c) Xác định kinh phí thực hiện theo quy định. 

2. Thực hiện xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu:

a) Trích chọn các thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu để xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu theo quy định chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT.

b) Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin danh mục (nếu còn thiếu).

3. Giao nộp, sử dụng danh mục thông tin, dữ liệu:

a) Giao nộp danh mục thông tin, dữ liệu (dạng số và trên giấy).

b) Cập nhật danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường lên Trang/Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và của Sở Tài nguyên và Môi trường phục vụ việc tra cứu, cung cấp và sử dụng.

c) Báo cáo, thống kê theo quy định.

Điều 12. Xây dựng, cung cấp, công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo đơn vị thực hiện nhiệm vụ về thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường:

a) Xây dựng, cập nhật danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do đơn vị mình quản lý.


b) Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng, cập nhật danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của cấp xã gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp.

c) Cung cấp danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là bản giấy và bản số (tệp Microsoft Excel) đã được ký số cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 11 hằng năm.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Thu thập, tiếp nhận danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường từ các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện; tổng hợp, xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trong toàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Cung cấp danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh cho Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

c) Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; Cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường và hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh phục vụ việc tra cứu, cung cấp và sử dụng; thời gian công bố trước ngày 31 tháng 12 hằng năm và được cập nhật thường xuyên theo tình hình thực tế. 

Chương III

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, CHIA SẺ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 13. Quản lý, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Công tác quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh trên môi trường điện tử với các bộ, ngành và địa phương khác theo nguyên tắc:

a) Kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

b) Bảo đảm việc tiếp cận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ kịp thời cho việc đánh giá, dự báo, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

c) Bảo đảm việc trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu được thông suốt, kịp thời, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin.

Điều 14. Khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh:

1. Xây dựng, cập nhật hệ thống thông tin phục vụ nghiệp vụ quản lý, lưu trữ, tra cứu, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

3. Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, gửi báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh về Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT.

Điều 16. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường chỉ đạo đơn vị thực hiện nhiệm vụ về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường:

a) Lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

b) Trước ngày 30 tháng 11 hằng năm, gửi báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT.

2. Sở Thông tin và Truyền thông: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường công bố, cập nhật danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

3. Sở Khoa học và Công nghệ: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thực hiện pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /

